

Số: /BC-BKHCN

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

**BÁO CÁO****Đánh giá tác động của chính sách  
trong Đề nghị xây dựng Nghị quyết thí điểm một số chính sách để tháo gỡ  
vướng mắc trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

Kính gửi: Chính phủ

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22/6/2015 của Quốc hội (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 63/2020/QH14 ngày 18/6/2020 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật), Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25/5/2024 của Chính phủ), Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong Đề nghị xây dựng Nghị quyết thí điểm một số chính sách để tháo gỡ vướng mắc trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo với các nội dung chính sau đây.

**I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ****1. Bối cảnh xây dựng chính sách**

Trong thời gian gần đây, Đảng, Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản, trong đó đề ra nhiều nhiệm vụ, giải pháp để thúc đẩy phát triển KH, CN & ĐMST, cụ thể như sau:

a) Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng có nhiều nội dung quan trọng mang tính định hướng phát triển đất nước dựa trên KH, CN & ĐMST

- Về quan điểm chỉ đạo: “*Có cơ chế đột phá để thu hút, trọng dụng nhân tài, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng mạnh mẽ khoa học và công nghệ, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tạo động lực mạnh mẽ cho phát triển nhanh và bền vững*”.

- Về nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ Đại hội XIII: “*Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thực hiện*

*chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế; huy động, phân bổ, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tạo động lực để phát triển kinh tế nhanh và bền vững”.*

b) Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 xác định KH, CN & ĐMST cùng với phát triển toàn diện nguồn nhân lực là một trong các đột phá chiến lược để phát triển đất nước. Về quan điểm phát triển: *“Phát triển nhanh và bền vững dựa chủ yếu vào khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.”*. Về đột phá chiến lược: *“Tiếp tục phát triển toàn diện nguồn nhân lực, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo gắn với khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, lòng tự hào dân tộc, ý chí tự cường và phát huy giá trị văn hóa, con người Việt Nam”*. Về phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội: *“Tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật phù hợp với cơ chế thị trường và thông lệ quốc tế để phát triển nền khoa học Việt Nam; phát triển mạnh khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, lấy doanh nghiệp làm trung tâm; thúc đẩy phát triển mô hình kinh doanh mới, kinh tế số, xã hội số. Có cơ chế, chính sách kinh tế, tài chính khuyến khích các doanh nghiệp tham gia nghiên cứu phát triển và đổi mới công nghệ. Cho phép thực hiện cơ chế thử nghiệm chính sách mới, thúc đẩy triển khai và ứng dụng công nghệ mới, đổi mới sáng tạo, mô hình kinh doanh mới”*.

c) Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045 đã xác định: *“Có chính sách đủ mạnh để hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, các viện nghiên cứu, trường đại học, các doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ KH&CN vào sản xuất kinh doanh”*.

d) Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đề ra nhiệm vụ: *“Hoàn thiện pháp luật, trước hết là pháp luật về doanh nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo; Hoàn thiện các chính sách tài chính nhằm khuyến khích, huy động mọi nguồn lực xã hội đầu tư cho các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo”*.

đ) Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đề ra nhiệm vụ, giải pháp: *“Xác định nội dung cốt lõi của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước giai đoạn 2021-2030 là thúc đẩy ứng dụng mạnh mẽ khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhất là thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tạo ra bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của các ngành, lĩnh vực và cả nền kinh tế; thực hiện chuyển đổi số toàn diện, thực chất,*

*hiệu quả, bền vững; nâng cao năng lực tự chủ về sản xuất, công nghệ và thị trường, bảo vệ và phát huy tốt thị trường trong nước; chuyển dịch cơ cấu nội ngành công nghiệp sang các ngành có tính nền tảng, ưu tiên, mũi nhọn, có hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng cao; chuyển đổi các ngành công nghiệp thâm dụng tài nguyên, năng lượng sang các ngành công nghiệp xanh, công nghiệp phát thải cacbon thấp; cơ cấu lại các ngành nông nghiệp và dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, công nghệ số, phát triển các loại dịch vụ mới có tính liên ngành và giá trị gia tăng cao, đẩy nhanh dịch vụ hóa các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo.”.*

e) Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia với nhiều nhiệm vụ, giải pháp có tính cách mạng để thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, trong đó một số nhiệm vụ, giải pháp cần được kịp thời thực hiện như sau:

- *“Khẩn trương sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện đồng bộ các quy định pháp luật về khoa học, công nghệ, đầu tư, đầu tư công, mua sắm công, ngân sách nhà nước, tài sản công, sở hữu trí tuệ, thuế... để tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản, giải phóng các nguồn lực, khuyến khích, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia, phát triển nguồn nhân lực”.*

- *“Cải cách cơ chế quản lý tài chính trong việc thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đơn giản hoá tối đa các thủ tục hành chính; giao quyền tự chủ trong sử dụng kinh phí nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ”.*

- *“Có cách tiếp cận mở, vận dụng sáng tạo, cho phép thí điểm đối với những vấn đề thực tiễn mới đặt ra. Chấp nhận rủi ro, đầu tư mạo hiểm và độ trễ trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo”.*

- *“Có cơ chế thí điểm để doanh nghiệp thử nghiệm công nghệ mới có sự giám sát của Nhà nước; có chính sách miễn trừ trách nhiệm đối với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong trường hợp thử nghiệm công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới mà có thiệt hại về kinh tế do nguyên nhân khách quan. Hình thành các quỹ đầu tư mạo hiểm cho khởi nghiệp sáng tạo, ươm tạo công nghệ và chuyển đổi số”.*

- *“Có cơ chế, chính sách hỗ trợ, phát triển các tổ chức nghiên cứu khoa học và công nghệ công lập hoạt động hiệu quả; giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức, cán bộ, tài chính, chuyên môn; được sử dụng ngân sách nhà nước thuê chuyên gia, sử dụng tài sản hữu hình và trí tuệ để liên kết, hợp tác khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp. Có cơ chế cho phép và khuyến khích các tổ chức nghiên cứu, nhà khoa học thành lập và tham gia điều hành doanh*

*nghiệp dựa trên kết quả nghiên cứu”.*

*- “Thu hút, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia. Ngân sách chi cho nghiên cứu, phát triển khoa học, công nghệ ưu tiên thực hiện theo cơ chế quỹ, thông qua các quỹ phát triển khoa học và công nghệ. Cơ cấu lại nguồn ngân sách chi sự nghiệp khoa học và công nghệ bảo đảm tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải”.*

*- “Có cơ chế khuyến khích mua sắm công đối với các sản phẩm, hàng hoá là kết quả nghiên cứu khoa học do doanh nghiệp trong nước tạo ra. Có cơ chế đặc biệt trong nghiên cứu, tiếp cận, mua các bí mật công nghệ, học hỏi, sao chép các công nghệ tiên tiến của nước ngoài”.*

*- “Có cơ chế thử nghiệm chính sách nhằm thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, ứng dụng, chuyển giao công nghệ chiến lược”.*

*- “Ban hành cơ chế đặc thù thu hút người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài có trình độ cao về Việt Nam làm việc, sinh sống. Có cơ chế đặc biệt về nhập quốc tịch, sở hữu nhà, đất, thu nhập, môi trường làm việc nhằm thu hút, trọng dụng, giữ chân các nhà khoa học đầu ngành, các chuyên gia, các “tổng công trình sư” trong và ngoài nước có khả năng tổ chức, điều hành, chỉ huy, triển khai các nhiệm vụ trọng điểm quốc gia về khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển công nghệ trí tuệ nhân tạo và đào tạo nguồn nhân lực”.*

g) Kết luận số 50-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ (KH&CN) phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế đã xác định một trong sáu nhiệm vụ, giải pháp cần tập trung thực hiện là: *“Rà soát, hoàn thiện chính sách, pháp luật về đầu tư, tài chính và doanh nghiệp, bảo đảm đồng bộ với các quy định pháp luật về khoa học và công nghệ”.*

h) Kết luận số 69-KL/TW ngày 11/01/2024 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế đã xác định sáu nhiệm vụ trọng tâm, trong đó có nhiệm vụ: *“Tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo hướng phù hợp với cơ chế thị trường và thông lệ, chuẩn mực quốc tế, tạo sự đồng bộ, thống nhất, hiệu quả trong tổ chức thực hiện. Chú trọng các chính sách tài chính, đầu tư, đấu thầu, quản lý và sử dụng tài sản công, chuyển giao, ứng dụng*

*khoa học và công nghệ, phát triển công nghệ số, công nghệ cao, bảo hộ sở hữu trí tuệ; chính sách xã hội hoá. Đồng thời, nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù, chính sách vượt trội, cơ chế thử nghiệm chính sách mới, rủi ro nhằm thúc đẩy phát triển, ứng dụng, chuyển giao các lĩnh vực khoa học, công nghệ có tính nền tảng, ưu tiên, mũi nhọn, công nghệ cao, công nghệ lõi, công nghệ nguồn, công nghệ mới và chuyển đổi số; đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong nghiên cứu, phát triển sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, giá trị cao, thân thiện với môi trường, tham gia có hiệu quả vào chuỗi sản xuất, chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị toàn cầu”.*

Rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng tại các văn bản nêu trên, Bộ Khoa học và Công nghệ nhận thấy có nhiều nội dung chưa phù hợp hoặc chưa được thể chế hóa tại các văn bản quy phạm pháp luật. Do vậy, cần ban hành Nghị quyết nhằm thể chế hóa đầy đủ, toàn diện chủ trương mang tính cấp bách, quan trọng nêu trên của Đảng.

## **2. Cơ sở pháp lý xây dựng chính sách**

a) Hiến pháp 2013 tại Điều 62 quy định:

*“1. Phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, giữ vai trò then chốt trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.*

*2. Nhà nước ưu tiên đầu tư và khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao, ứng dụng có hiệu quả thành tựu khoa học và công nghệ; bảo đảm quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ; bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.*

*3. Nhà nước tạo điều kiện để mọi người tham gia và được thụ hưởng lợi ích từ các hoạt động khoa học và công nghệ.”*

b) Tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành, có nhiều quy định chưa phù hợp với đặc thù của hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Do vậy, cần nghiên cứu để có chính sách thí điểm, đặc thù vượt trội nhằm bảo đảm tính khả thi, hiệu quả thi hành pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

c) Nghị quyết số 100/2013/QH15 ngày 24/6/2013 của Quốc hội về hoạt động chất vấn kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XV đã giao Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ thực hiện nhiệm vụ: *“Tiếp tục thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, đồng bộ các chính sách, pháp luật của Nhà nước để thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo... Rà soát, sửa đổi, tháo gỡ các rào cản trong chính sách, pháp luật về kinh tế, tài chính, đầu tư, đấu thầu với pháp luật khoa học và công nghệ (Luật Khoa*

*học và Công nghệ, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công...)* theo hướng phù hợp với cơ chế thị trường, tôn trọng đặc thù của lao động sáng tạo, chấp nhận rủi ro, độ trễ trong nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo thông lệ và chuẩn mực quốc tế, bảo đảm công khai, minh bạch.”.

Trong bối cảnh khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đóng vai trò then chốt trong sự phát triển kinh tế - xã hội, việc hoàn thiện hệ thống pháp luật nhằm thúc đẩy lĩnh vực này là yêu cầu cấp thiết. Theo đó, việc xây dựng Nghị quyết của Quốc hội là cần thiết để thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, đồng bộ hóa các quy định pháp luật, tháo gỡ các vướng mắc, tạo hành lang pháp lý thuận lợi nhằm thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

### **3. Cơ sở thực tiễn xây dựng chính sách**

Trong quá trình triển khai thi hành pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, một số nội dung chưa phù hợp với yêu cầu, đòi hỏi từ thực tiễn nhằm phát triển khoa học công nghệ, phát triển kinh tế - xã hội, cụ thể là:

*Thứ nhất*, nền kinh tế của Việt Nam đang chuyển đổi mạnh mẽ sang cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội với mô hình tăng trưởng dựa vào nguồn nhân lực chất lượng cao và yếu tố động lực của KH,CN&ĐMST ngày càng rõ nét đòi hỏi nhà nước cần có các cơ chế, chính sách phục vụ cho mục đích này. Tuy nhiên, pháp luật hiện hành chưa quy định đầy đủ cơ chế, chính sách thu hút nguồn lực phục vụ KH,CN&ĐMST.

*Thứ hai*, các tác động của hội nhập sâu rộng và toàn diện của Việt Nam trong một thế giới phát triển mạnh mẽ, đột biến, nhất là về KH,CN&ĐMST đòi hỏi các hành lang pháp lý; cơ chế chính sách phải được điều chỉnh để phù hợp với thực tiễn.

*Thứ ba*, nhiều vướng mắc xuất phát từ tình hình thực tiễn hoặc những quy định pháp luật không phù hợp, thiếu tính khả thi, là rào cản cho sự phát triển của KH,CN&ĐMST, cụ thể:

#### **a) Về tổ chức, nhân lực:**

- Liên quan đến cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ, đặc biệt là các tổ chức nghiên cứu và phát triển công lập: Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định về tự chủ về tài chính với các đơn vị sự nghiệp công lập trong các lĩnh vực khác nhau nên chưa phù hợp với lĩnh vực KH&CN khi nhiều đơn vị có chức năng chính là nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu chiến lược và chính sách phục vụ quản lý nhà nước, không có nguồn thu trực tiếp từ xã hội do kết quả nghiên cứu được ứng dụng vào xây dựng cơ chế, chính sách

và chủ thể tiếp nhận kết quả nghiên cứu là các cơ quan trong hệ thống chính trị. Quy định về lộ trình tự chủ tài chính tăng dần có thể phù hợp với đơn vị sự nghiệp thực hiện dịch vụ công và có nguồn thu sự nghiệp ổn định, nhưng không thể áp dụng đối với tất cả các tổ chức KH&CN, là nơi thực hiện nghiên cứu và sáng tạo, kết quả nghiên cứu có thể đạt được hoặc không đạt được các chỉ tiêu đề ra và không phải kết quả nào cũng có thể thương mại hóa ngay hoặc thương mại hóa thành công, điển hình là đối với những tổ chức nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu chiến lược và chính sách... Đồng thời, tự chủ về tài chính không nên được hiểu là tự bảo đảm về tài chính hay tự cung, tự cấp trong KH&CN, dẫn tới cắt giảm tối đa NSNN, giảm số lượng tổ chức KH&CN được nhận kinh phí hoạt động thường xuyên từ ngân sách, dẫn đến suy giảm số lượng nhân lực hoạt động KH&CN, đặc biệt trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn. Theo thông lệ quốc tế, các cơ sở nghiên cứu công lập phải được đảm bảo nguồn đầu tư cơ bản quan trọng từ NSNN bên cạnh các khoản thu hợp pháp khác được khuyến khích từ nguồn liên kết, hợp tác với doanh nghiệp, nguồn tài trợ nghiên cứu theo cơ chế cạnh tranh trong nước và từ nước ngoài.

Ngoài ra, tổ chức KH&CN còn gặp các vướng mắc liên quan đến tổ chức bộ máy, chủ động trong việc sử dụng và quản lý nguồn nhân lực. Pháp luật hiện hành chưa tính đến các nội dung sau: mô hình quản trị trong các tổ chức trực thuộc và thuộc để xác định mức độ tự chủ của từng tổ chức nhỏ trong một tổ chức lớn và cách thức xác định mức độ tự chủ của tổ chức lớn; mô hình quản trị đối với các loại hình tổ chức KH&CN tạo ra sản phẩm nghiên cứu có khả năng thương mại hóa cao, làm chủ công nghệ có tính đột phá, dẫn dắt phát triển ngành kinh tế - kỹ thuật; phương thức hoạt động của cán bộ nghiên cứu kiêm nhiệm, người nước ngoài tham gia vào hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ tại tổ chức KH&CN công lập.

- Chưa có cơ chế đặc thù cho phép nhà khoa học là viên chức được tham gia điều hành doanh nghiệp do viện nghiên cứu, trường đại học thành lập từ kết quả nghiên cứu và phát triển để tạo động lực cho các nhà khoa học trong triển khai hoạt động KH, CN & ĐMST, tạo môi trường để doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp khởi nguồn (startup/spin-off) tồn tại, cạnh tranh trên thị trường.

- Chưa có cơ chế, chính sách đủ mạnh để thu hút được các chuyên gia giỏi là chuyên gia, người Việt Nam ở nước ngoài, các chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài tham gia vào các nhiệm vụ khoa học và phát triển công nghệ và các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới tạo khác tại Việt Nam, đặc biệt trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên và công nghệ mới nổi mà trong nước còn thiếu hụt nhân lực. Trong thực tế, thủ tục cấp giấy phép lao động, thị thực phức tạp, quy định về nhập cảnh cũng gây khó khăn cho chuyên gia nước ngoài làm việc ngắn hạn, trong

khi thời hạn thị thực ngắn hạn cản trở nhà đầu tư hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo.

b) Về đầu tư, tài chính:

- Cơ chế tài chính chưa phù hợp với đặc thù của hoạt động, khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Ngoài ra, cơ chế khoán chi theo quy định pháp luật hiện hành chưa phát huy hiệu quả. Theo đó, ít tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm lựa chọn khoán chi đến sản phẩm cuối cùng vì yêu cầu kết quả nghiên cứu phải đạt chỉ tiêu đề ra, trong khi bản chất của KH&CN là tìm kiếm cái mới, là hoạt động sáng tạo, có tính rủi ro, có thể không đi đến kết quả đã định trước.

- Chưa có cơ chế đầu tư, tài chính đủ mạnh nhằm khuyến khích doanh nghiệp đầu tư cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Cụ thể, các chính sách về đầu tư, hỗ trợ tài chính, đấu thầu, mua bí quyết công nghệ, mua sắm công đối với sản phẩm, hàng hóa có nguồn gốc từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do doanh nghiệp trong nước tạo ra. Đồng thời, chưa có quy định về quỹ đầu tư mạo hiểm cho khởi nghiệp sáng tạo.

- Hiện nay, các quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, bộ, ngành, địa phương chưa có sự rõ ràng về địa vị, tính chất pháp lý, dẫn đến sự nhầm lẫn với quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, gây khó khăn trong quản lý, vận hành và huy động nguồn lực. Việc thiếu cơ chế thống nhất khiến cho hoạt động của các quỹ này kém hiệu quả, ảnh hưởng đến việc phân bổ và sử dụng tài chính cho nghiên cứu khoa học. Bên cạnh đó, nguồn tài chính cho các quỹ này chủ yếu dựa vào ngân sách nhà nước, trong khi cơ chế huy động vốn từ doanh nghiệp và tổ chức xã hội còn hạn chế, chưa thực sự khuyến khích sự tham gia của khu vực tư nhân. Ngoài ra, dự toán chi cho khoa học và công nghệ chưa được đảm bảo chặt chẽ, dễ bị cắt giảm hoặc không được ưu tiên trong phân bổ ngân sách, khiến các nhiệm vụ nghiên cứu dài hạn gặp khó khăn trong việc duy trì và phát triển. Cơ chế cấp phát kinh phí cũng bộc lộ nhiều bất cập, như tình trạng cấp vốn chậm trễ, thiếu linh hoạt, dẫn đến gián đoạn tiến độ triển khai các dự án khoa học và công nghệ. Đồng thời, chưa có quy trình rõ ràng để xác định kinh phí cho các nhiệm vụ mới và nhiệm vụ chuyển tiếp, dẫn đến sự phân bổ không đồng đều giữa các năm, gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động nghiên cứu.

c) Về tài sản, kết quả hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

- Liên quan đến giao quyền sở hữu kết quả KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước (NSNN) cho tổ chức chủ trì: các quy định về chuyển giao quyền sở hữu kết quả KH&CN cho tổ chức chủ trì trong Luật KH&CN, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn phải được sự cho phép của đại diện chủ sở hữu nhà nước quá rườm rà, phức tạp, không khả thi. Các vấn đề này dẫn đến tình



trạng chậm ứng dụng thực tiễn, giảm động lực đổi mới sáng tạo và khó thu hút đầu tư cho nghiên cứu khoa học. Trong khi đó, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2013 mặc dù đã cho phép giao tự động và không bồi hoàn kết quả KH&CN là sáng chế, thiết kế bố trí, kiểu dáng công nghiệp, giống cây trồng nhưng chưa bao quát hết tất cả các đối tượng kết quả KH&CN.

Bên cạnh đó, còn tồn tại bất cập trong việc xử lý tài sản hình thành từ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, dù sử dụng nguồn ngân sách hay ngoài ngân sách nhà nước. Việc hạch toán chung tài sản từ kết quả nghiên cứu cũng gây ra bất cập trong việc theo dõi, định giá, khấu hao và kiểm soát hiệu quả sử dụng, làm hạn chế khả năng khai thác thương mại hóa. Ngoài ra, tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ chưa có quyền linh hoạt trong việc chuyển nhượng, cho thuê hoặc chuyển giao quyền sử dụng đối với tài sản hình thành từ kết quả nghiên cứu, cũng như sử dụng kết quả nghiên cứu để góp vốn liên doanh, liên kết và thương mại hóa. Điều này làm giảm khả năng thương mại hóa sản phẩm khoa học, gây khó khăn trong việc thu hút vốn đầu tư và mở rộng ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn.

d) Thúc đẩy hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp và phát triển thị trường:

- Thực tiễn cho thấy, các sản phẩm, dịch vụ và mô hình kinh doanh mới gặp nhiều rào cản pháp lý do chưa có quy định cụ thể khiến cho hoạt động đổi mới sáng tạo bị hạn chế. Doanh nghiệp và cá nhân phát triển công nghệ mới thường gặp khó khăn trong việc triển khai do lo ngại về tính hợp pháp, rủi ro pháp lý và thiếu cơ chế thử nghiệm trước khi áp dụng rộng rãi. Đồng thời, cơ quan nhà nước cũng gặp thách thức trong việc đánh giá mức độ an toàn, hiệu quả và tác động của những đổi mới này, gây chậm trễ trong việc ban hành hoặc điều chỉnh chính sách phù hợp. Bên cạnh đó, việc không có cơ chế thử nghiệm rõ ràng khiến nhiều sáng kiến tiềm năng bị bỏ lỡ hoặc phải thử nghiệm không chính thức, gây rủi ro cho cả doanh nghiệp và cơ quan quản lý. Ngoài ra, trách nhiệm pháp lý của các cá nhân, tổ chức tham gia thử nghiệm chưa được quy định rõ ràng, dẫn đến tâm lý e ngại trong việc triển khai ý tưởng mới.

- Các dự án, trung tâm đổi mới sáng tạo hiện gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận ưu đãi thuế đối với hàng hoá nhập khẩu để tạo tài sản cố định, hàng hoá nhập khẩu sử dụng trực tiếp cho đổi mới sáng tạo, hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo. Các loại thuế xuất khẩu, nhập khẩu đánh vào tài sản cố định và nguyên vật liệu sử dụng trực tiếp cho đổi mới sáng tạo làm gia tăng chi phí đầu tư, cản trở quá trình nghiên cứu và triển khai các giải pháp công nghệ mới. Điều này khiến các doanh nghiệp khởi nghiệp và tổ chức đổi mới sáng tạo gặp bất lợi trong cạnh tranh, đặc biệt khi so sánh với các quốc gia

có chính sách hỗ trợ mạnh mẽ hơn.

Bên cạnh đó, chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp chưa thực sự khuyến khích mạnh mẽ các doanh nghiệp tham gia vào hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Các doanh nghiệp có chi phí đầu tư vào nghiên cứu, giáo dục nghề nghiệp, quốc phòng, an ninh hay tài trợ cho hoạt động đổi mới sáng tạo chưa được hưởng ưu đãi thuế một cách rõ ràng và nhất quán. Hơn nữa, các doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao và doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao chưa có cơ chế ưu đãi thuế ổn định, dài hạn, khiến họ khó khăn trong việc hoạch định chiến lược đầu tư và phát triển.

- Các doanh nghiệp đầu tư vào nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ gặp khó khăn trong xác định loại hình dự án đầu tư mới, đặc biệt là các dự án ứng dụng kết quả nghiên cứu vào sản xuất, kinh doanh. Thiếu định nghĩa rõ ràng khiến họ khó tiếp cận các chính sách hỗ trợ về tài chính, thuế và cơ chế khuyến khích từ Nhà nước, đồng thời cản trở quá trình nâng cấp, thay thế công nghệ, làm giảm khả năng cạnh tranh.

- Mức ưu đãi về thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp; miễn giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước đối với đất phục vụ cho hoạt động KH&CN; ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án đầu tư mới thuộc lĩnh vực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của doanh nghiệp KH&CN chưa hiệu quả, chưa thực tiễn, chưa tạo động lực để khuyến khích doanh nghiệp phát triển theo mô hình doanh nghiệp KH&CN.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, cũng như các trung tâm đổi mới sáng tạo chưa được hưởng đầy đủ chính sách ưu đãi, đặc biệt đối với dự án có chuyển giao công nghệ khuyến khích. Việc thiếu quy định ưu đãi cho cơ sở ươm tạo công nghệ, doanh nghiệp sản xuất thiết bị bảo vệ môi trường khiến họ gặp khó khăn trong tiếp cận vốn và phát triển. Điều này làm chậm quá trình chuyển giao công nghệ, thu hẹp hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của doanh nghiệp công nghệ trong nước.

- Hiện nay, việc phát triển công nghệ chiến lược tại Việt Nam gặp nhiều thách thức do chính sách ưu đãi và cơ chế hỗ trợ chưa đủ mạnh mẽ cho nghiên cứu, ứng dụng và thương mại hóa đối với các công nghệ này. Mặc dù công nghệ chiến lược đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh và đảm bảo an ninh quốc gia, nhưng các doanh nghiệp và tổ chức nghiên cứu trong lĩnh vực này gặp nhiều khó khăn trong tiếp cận vốn đầu tư, nhân lực chất lượng cao và cơ sở hạ tầng nghiên cứu. Bên cạnh đó, sự phụ

thuộc vào công nghệ nhập khẩu khiến Việt Nam gặp khó khăn trong việc nâng cao năng lực tự chủ công nghệ, đặc biệt trong các lĩnh vực quan trọng như quốc phòng, an ninh và các ngành công nghiệp chiến lược. Việc thiếu chính sách ưu tiên phát triển các công nghệ có giá trị nội địa hóa cao và khả năng đóng góp trực tiếp vào nền kinh tế cũng làm giảm sức cạnh tranh của doanh nghiệp trong nước, khiến Việt Nam chưa thể bắt kịp xu hướng công nghệ toàn cầu.

Xuất phát từ cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn nêu trên, việc ban hành Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số chính sách để tháo gỡ vướng mắc trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

#### **4. Mục tiêu xây dựng chính sách**

Việc xây dựng Nghị quyết nhằm tạo cơ sở pháp lý để tác động một cách tích cực, hiệu lực và hiệu quả tới hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, qua đó, xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh liên quan, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an ninh, an toàn cho quốc gia, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân, đưa KH, CN & ĐMST thực sự trở thành động lực để hoàn thành công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đạt mục tiêu kép của quốc gia vào năm 2030<sup>1</sup> và 2045<sup>2</sup> như Đại hội XIII đã đề ra.

## **II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH**

Sau khi tổng kết và phân tích hiện trạng, Bộ Khoa học và Công nghệ đã xác định được 03 nhóm chính sách cần ưu tiên đánh giá theo một phương pháp có hệ thống, bao gồm

1. Chính sách 1: Phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ.
2. Chính sách 2: Thúc đẩy cơ chế đầu tư, tài chính trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.
3. Chính sách 3: Thúc đẩy hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp và phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

Đối với từng chính sách, Bộ Khoa học và Công nghệ đã thực hiện đánh giá theo quy trình: xác định vấn đề bất cập hiện tại (trong đó nêu rõ hậu quả và nguyên nhân), đưa ra các mục tiêu chính sách, xây dựng các Giải pháp chính sách dự kiến để giải quyết vấn đề và đánh giá tác động (bao gồm kinh tế, xã hội, giới, thủ tục hành chính, hệ thống pháp luật) đối với Giải pháp chính sách dự kiến.

Việc đánh giá tác động về kinh tế, xã hội chỉ có thể định lượng ước tính chi phí với một số chi phí thực tế Nhà nước, doanh nghiệp, người dân phải bỏ ra có

<sup>1</sup> Đến 2030, Việt Nam là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao.

<sup>2</sup> Đến 2045, Việt Nam trở thành nước phát triển, thu nhập cao.

thể tính toán được như các chi phí liên quan đến thủ tục hành chính (TTHC)... Do hạn chế về thông kê cũng như không bóc tách được các công việc triển khai theo quy định của Luật KH&CN 2013 và các pháp luật chuyên ngành tại các bộ, ngành, địa phương, tác động của các chính sách liên quan đến KH,CN&ĐMST, đánh giá lợi ích, rủi ro nên một số nội dung liên quan sẽ được đánh giá mang tính định tính.

## **1. Chính sách 1: Phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ**

### **1.1. Xác định vấn đề và mục tiêu giải quyết vấn đề**

#### **1.1.1. Xác định vấn đề**

##### **a) Về cơ chế tự chủ của tổ chức KH&CN công lập**

Nghị quyết 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6, khóa XII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, đã đưa ra định hướng về cơ chế tự chủ của tổ chức KH&CN công lập.

Nghị quyết số 100/2013/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về hoạt động chất vấn kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XV đã giao Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ thực hiện nhiệm vụ: *“Xây dựng cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo hướng phù hợp với đặc thù của hoạt động khoa học và công nghệ”*.

Năm 2021, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 quy định cơ chế tự chủ về tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Trong quá trình triển khai thực hiện, các đơn vị sự nghiệp trong lĩnh vực KH&CN gặp một số khó khăn như: Nghị định số 60/2021 quy định về tự chủ về tài chính với các đơn vị sự nghiệp công lập trong các lĩnh vực khác nhau nên chưa phù hợp với lĩnh vực KH&CN khi nhiều đơn vị có chức năng chính là nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu chiến lược và chính sách phục vụ quản lý nhà nước, không có nguồn thu trực tiếp từ xã hội do kết quả nghiên cứu được ứng dụng vào xây dựng cơ chế, chính sách và chủ thể tiếp nhận kết quả nghiên cứu là các cơ quan trong hệ thống chính trị. Quy định về lộ trình tự chủ tài chính tăng dần có thể phù hợp với đơn vị sự nghiệp thực hiện dịch vụ công và có nguồn thu sự nghiệp ổn định, nhưng không thể áp dụng đối với tất cả các tổ chức KH&CN, là nơi thực hiện nghiên cứu và sáng tạo, kết quả nghiên cứu có thể đạt được hoặc không đạt được các chỉ tiêu đề ra và không phải kết quả nào cũng có thể thương mại hóa ngay hoặc thương mại hóa thành công, điển hình là đối với những tổ chức nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu chiến lược và chính sách... Tự chủ về tài chính không nên được hiểu là tự bảo đảm về tài chính hay tự cung, tự cấp trong KH&CN, dẫn tới cắt giảm tối đa NSNN, giảm số lượng tổ chức KH&CN được nhận kinh phí hoạt động thường xuyên từ ngân sách, dẫn đến suy giảm số lượng nhân lực hoạt động KH&CN, đặc biệt trong

lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn. Theo thông lệ quốc tế, các cơ sở nghiên cứu công lập phải được đảm bảo nguồn đầu tư cơ bản quan trọng từ NSNN bên cạnh các khoản thu hợp pháp khác được khuyến khích từ nguồn liên kết, hợp tác với doanh nghiệp, nguồn tài trợ nghiên cứu theo cơ chế cạnh tranh trong nước và từ nước ngoài.

b) Về nhân lực KH&CN:

Tính đến năm 2021, cả nước có 187.298 người tham gia hoạt động nghiên cứu và phát triển, tập trung nhiều ở các tổ chức giáo dục đại học (quy đổi bằng cách tính toàn bộ giảng viên đại học), chiếm 51,99%, tiếp theo là các tổ chức nghiên cứu và phát triển chiếm 17,85%. Nhân lực làm nghiên cứu và phát triển trong khu vực doanh nghiệp chiếm 15,28%. Trong đó, số lượng nghiên cứu viên chiếm 83,63% (khoảng 156.588 người), nhân lực kỹ thuật dưới 7% (khoảng 12.424 người) và nhân lực hỗ trợ dưới 10% (18286 người)<sup>3</sup>.

- Số lượng nhân lực nghiên cứu và phát triển còn ít so với thế giới (7 người/1 vạn dân), tập trung vào viện nghiên cứu, trường đại học công lập. Nhân lực nghiên cứu và phát triển trong doanh nghiệp hạn hẹp. Nhân lực trong khu vực công lập hoạt động chưa hiệu quả, khó thu hút nhân lực có kinh nghiệm từ khu vực ngoài công lập. Chưa xây dựng được đội ngũ nhân lực triển khai các công việc thúc đẩy ĐMST, thúc đẩy ứng dụng và đổi mới công nghệ, làm gia tăng giá trị trong sản xuất, kinh doanh.

- Các quy định về ưu đãi nhân lực KH&CN chưa thuận lợi để thực thi trong thực tiễn, chưa thực sự khuyến khích cá nhân hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Thiếu cơ chế, chính sách đột phá trong đầu tư, huy động nguồn lực, đào tạo, bồi dưỡng, thu hút, trọng dụng, tôn vinh trí thức, nhất là bộ phận trí thức tinh hoa. Cơ cấu, số lượng, chất lượng đội ngũ trí thức chưa hợp lý, thiếu hụt chuyên gia đầu ngành trong các lĩnh vực quan trọng, các lĩnh vực công nghệ nền, công nghệ lõi, công nghệ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; chưa tạo được môi trường thuận lợi động viên trí thức chủ động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, truyền thụ kiến thức, tư vấn, phản biện xã hội; việc xây dựng đội ngũ trí thức chưa gắn với mục tiêu, nhiệm vụ của từng ngành, địa phương.

- Chưa có quy định đặc thù về cơ chế tiền lương, nâng ngạch, bậc, chuyển đổi năm công tác đối với nhân lực KH&CN mà vẫn theo các quy định chung áp dụng đối với công chức, viên chức trong hệ thống quản lý nhà nước nên các chính sách ưu đãi, hỗ trợ chưa thực sự thu hút, hấp dẫn nguồn nhân lực chất lượng cao.

<sup>3</sup> Nguồn: Cơ sở dữ liệu quốc gia về KH&CN.

- Chưa có cơ chế, chính sách đủ mạnh để thu hút được các chuyên gia giỏi là chuyên gia, người Việt Nam ở nước ngoài, các chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài tham gia vào các dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ và các chương trình đào tạo tại Việt Nam, đặc biệt trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên và công nghệ mới nổi mà trong nước còn thiếu hụt nhân lực.<sup>4</sup>

### 1.1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

#### a) Đối với tổ chức KH&CN

- Thúc đẩy phát triển lành mạnh của tổ chức nghiên cứu và phát triển.

- Bảo đảm sử dụng hiệu quả kinh phí đầu tư cho hoạt động của tổ chức KH&CN công lập. Tăng cường vai trò, trách nhiệm của các tổ chức trong công tác quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, thúc đẩy các tổ chức chủ động nâng cao năng lực để được tuyển chọn nhiều nhiệm vụ KH&CN, đầu tư vào cơ sở vật chất dùng chung và trả lương cho nhân lực nghiên cứu và nhân viên hỗ trợ.

- Tăng thu nhập thường xuyên cho nhân lực nghiên cứu của tổ chức KH&CN, tạo điều kiện cho cán bộ nghiên cứu yên tâm nghiên cứu, không phải làm các thủ tục hành chính như: làm hồ sơ đăng ký tuyển chọn, thanh quyết toán.

#### b) Đối với nhân lực KH&CN

- Thể chế hóa chủ trương của Đảng về phát triển nguồn nhân lực KH, CN & ĐMST tại Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới.

- Thúc đẩy sự phát triển của nhân lực KH, CN & ĐMST không chỉ ở khu vực hàn lâm (viện nghiên cứu, trường đại học) mà lan tỏa, mở rộng nhân lực hoạt động KH, CN & ĐMST sang cả khu vực công lập (nhân lực quản lý KH, CN & ĐMST, nghiên cứu sau tiến sĩ, nghiên cứu sinh, học viên cao học) và ngoài công lập (nhà nghiên cứu độc lập, nhân lực trong doanh nghiệp) để có các chính sách ưu đãi, hỗ trợ phù hợp với từng đối tượng.

1.2. Giải pháp giải quyết vấn đề và đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

---

<sup>4</sup> Hàng năm, mới có hàng trăm lượt trí thức người Việt Nam ở nước ngoài về nước cùng kết hợp với các nhà khoa học trong nước thực hiện các hoạt động trao đổi học thuật. Các mạng lưới về KH&CN và ĐMST kết nối với các chuyên gia là người Việt Nam ở nước ngoài và các chuyên gia hàng đầu trên thế giới mới dần được hình thành.

### 1.2.1. Giải pháp giải quyết vấn đề:

Có 02 Giải pháp đối với vấn đề này:

a) Giải pháp 1: giữ nguyên quy định theo pháp luật hiện hành.

b) Giải pháp 2: bổ sung các cơ chế chính sách thí điểm để nâng cao, phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ

- Quy định về cơ chế tự chủ của tổ chức nghiên cứu khoa học và công nghệ theo hướng giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức, cán bộ, tài chính, chuyên môn; được sử dụng ngân sách nhà nước thuê chuyên gia, sử dụng tài sản hữu hình và trí tuệ để liên kết, hợp tác khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp. Đồng thời, quy định cho phép các tổ chức nghiên cứu, nhà khoa học thành lập và tham gia điều hành doanh nghiệp dựa trên kết quả nghiên cứu.

- Quy định miễn thị thực và miễn giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam trong trường hợp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong lĩnh vực công nghệ cao, nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt mà các chuyên gia Việt Nam và các chuyên gia nước ngoài hiện đang ở Việt Nam không thực hiện được.

1.2.2. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Giải pháp 1: giữ nguyên quy định hiện hành.

- Tác động tới hệ thống pháp luật: hệ thống pháp luật không được hoàn thiện để giải quyết vướng mắc, tồn tại hiện nay.

- Tác động về kinh tế - xã hội:

+ Tác động tích cực:

Đối với Nhà nước: Giải pháp này không mang lại tác động tích cực cho Nhà nước.

Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST: Giải pháp này không mang lại tác động tích cực cho tổ chức, cá nhân hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ.

Đối với doanh nghiệp: Giải pháp không có tác động tích cực đối với doanh nghiệp.

+ Tác động tiêu cực:

Đối với Nhà nước: hiệu quả quản lý bị ảnh hưởng do hành lang pháp lý chưa được quy định đầy đủ. Thiếu chính sách để thu hút cá nhân hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ là nhà khoa học đầu ngành, nhà khoa học trẻ

tài năng, nhất là nhà khoa học từ nước ngoài về tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST tại Việt Nam.

- Tác động về giới: Giải pháp không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động của TTHC: Giải pháp không giúp giảm thủ tục hành chính.

b) Giải pháp 2: bổ sung các cơ chế chính sách thí điểm để nâng cao, phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ

- Tác động tới hệ thống pháp luật: Giải pháp giúp khắc phục hạn chế của hệ thống pháp luật.

- Tác động về kinh tế - xã hội:

+ Tác động tích cực:

Đối với Nhà nước: nâng cao hiệu quả quản lý đối với tổ chức KH&CN; thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Hoàn thiện các chính sách liên quan đến phát triển nhân lực KH,CN&ĐMST. Tạo môi trường, hành lang pháp lý lành mạnh để tôn vinh, động viên và tạo động lực tích cực cho nhân lực hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST.

Đối với các tổ chức, cá nhân: nâng cao năng lực, trách nhiệm trong hoạt động KH&CN, tạo động lực cho tổ chức KH&CN hoạt động sáng tạo, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST. Xây dựng cơ chế tự chủ phù hợp với đặc thù của tổ chức KH&CN, tạo điều kiện giải phóng tiềm năng, tự chủ trong hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST, đóng góp hiệu quả hơn vào phát triển kinh tế - xã hội.

+ Tác động tiêu cực:

Đối với Nhà nước: Không có

Đối với các tổ chức KH&CN: Không có.

- Tác động về giới: Giải pháp không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động của TTHC: Không có

1.3. Lựa chọn giải pháp

Từ những phân tích nêu trên, Bộ Khoa học và Công nghệ kiến nghị lựa chọn Giải pháp 2.



## **2. Chính sách 2: Thúc đẩy cơ chế đầu tư, tài chính trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

### **2.1. Xác định vấn đề và mục tiêu giải quyết vấn đề**

#### **2.1.1. Vấn đề bất cập:**

- Tổng kinh phí đầu tư của toàn xã hội cho KH,CN&ĐMST còn thấp. Kinh phí chi cho hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ từ NSNN chiếm tỷ lệ thấp và chủ yếu tập trung vào chi lương, hoạt động bộ máy và cho các đối tượng thuộc khu vực công lập; chi thực hiện dự án tăng cường năng lực nghiên cứu theo quy định của Luật Đầu tư công không đáp ứng kịp thời nhu cầu nghiên cứu khoa học của các tổ chức KH&CN.

- Quy định hiện hành mới chỉ tập trung nguồn lực chủ yếu cho các chương trình KH&CN để tạo ra tri thức (hệ thống các chương trình KH&CN trọng điểm, chương trình quốc gia về KH&CN, nhiệm vụ cấp bộ, cấp tỉnh, cấp cơ sở), nhưng chưa quan tâm bố trí đủ nguồn lực thỏa đáng cho các chương trình ứng dụng tri thức (thương mại hóa, đổi mới sáng tạo, tiếp cận thị trường, trung gian tư vấn - kết nối, nâng cao năng lực; khởi nghiệp sáng tạo;...) và lan tỏa, truyền bá tri thức (đầu tư cho nâng cấp tạp chí khoa học đạt trình độ quốc tế, khuyến khích công bố trong nước; truyền thông đại chúng cho KH&CN; xây dựng các bảo tàng khoa học và không gian sáng tạo trong các trường đại học; tôn vinh hoạt động nghiên cứu, sáng tạo; nâng cao nhận thức, thúc đẩy văn hóa ĐMST;...). Trong khi, đây là các vấn đề thực sự quan trọng, liên quan tới hiệu quả đầu ra và mục tiêu đích đến của hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST là phục vụ cho con người và cuộc sống. Điều này cũng đặt ra vấn đề cho việc cam kết mang tính quy phạm của Nhà nước trong việc tái cân đối và phân bổ nguồn lực hợp lý cho các chương trình thúc đẩy ứng dụng tri thức và công nghệ trong cuộc sống, truyền bá tri thức trong người dân và xã hội và quan trọng hơn, cần sử dụng nguồn lực ngoài ngân sách dành cho sự nghiệp KH&CN (ngân sách sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp giáo dục và đào tạo, nguồn lực đầu tư đối ứng từ xã hội) để chi cho các hoạt động ứng dụng và truyền bá tri thức, vì đây là hoạt động đòi hỏi sự tham gia của doanh nghiệp và các lực lượng khác trong xã hội.

- Về lập kế hoạch dự toán NSNN liên quan đến nhiệm vụ KH&CN: không phù hợp với đặc thù của hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (theo quy định của Luật NSNN và Luật KH&CN hiện nay dẫn tới yêu cầu vào thời điểm tháng 7 năm trước năm lập kế hoạch đã phải có đầy đủ các quyết định phê duyệt tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm và kinh phí thực hiện cho tất cả các nhiệm vụ KH&CN được thực hiện vào năm lập kế hoạch).

- Cơ chế khoán chi quy định tại Luật KH&CN 2013 đã được áp dụng trong thực tiễn nhưng chưa phát huy hiệu quả đơn giản hóa quy trình, thủ tục triển khai nhiệm vụ KH&CN do ít tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm lựa chọn khoán chi đến sản phẩm cuối cùng vì yêu cầu kết quả nghiên cứu phải đạt chỉ tiêu đề ra, trong khi bản chất của KH&CN là tìm kiếm cái mới, là hoạt động sáng tạo, có tính rủi ro, có thể không đi đến kết quả đã định trước.

- Đối với Quỹ Phát triển KH&CN quốc gia: từ năm 2014 đến hết năm 2023, Quỹ Phát triển KH&CN quốc gia đã tài trợ 2.662 nhiệm vụ KH&CN tương đương cấp quốc gia với tổng kinh phí 2.372.945 triệu đồng. Số lượng nhiệm vụ Quỹ tài trợ có xu hướng tăng dần từ năm 2014 đến năm 2019. Tài trợ của Quỹ đã thúc đẩy mạnh mẽ nâng cao chất lượng nghiên cứu theo hướng hội nhập quốc tế (mỗi đề tài trung bình đạt kết quả hơn 02 công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế thuộc cơ sở dữ liệu Web of Science), gia tăng nguồn nhân lực nghiên cứu KH&CN chất lượng cao, qua đó đóng góp tăng chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) cũng như chỉ số năng lực cạnh tranh toàn cầu (GCI) của Việt Nam. Do vậy, hoạt động của Quỹ không phát sinh lợi nhuận và có đóng góp quan trọng vào việc duy trì, nâng cao tiềm lực KH&CN quốc gia là vấn đề Nhà nước cần quan tâm đầu tư để thúc đẩy phát triển năng lực KH&CN của quốc gia.

Quỹ Phát triển KH&CN Quốc gia thực hiện tài trợ nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng, nhiệm vụ KH&CN đột xuất có ý nghĩa quan trọng về khoa học và thực tiễn, nhiệm vụ KH&CN tiềm năng, hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực KH&CN quốc gia và được tổ chức theo mô hình phổ biến tại các quốc gia phát triển và một số nước trong khu vực<sup>5</sup>. Quỹ tổ chức tiếp nhận hồ sơ đăng ký tài trợ, hỗ trợ theo cơ chế đề xuất từ dưới lên, xét chọn tài trợ theo nguyên tắc nội dung nghiên cứu không được trùng lặp với các nghiên cứu đã hoặc đang thực hiện bằng nguồn kinh phí của Quỹ hoặc nguồn kinh phí khác của Nhà nước (không trùng với nhiệm vụ chi của NSNN). Quỹ là cơ quan quản lý tài trợ nghiên cứu KH&CN, hoạt động phi lợi nhuận, không có nguồn thu sự nghiệp. Do vậy không thể áp dụng quy định nâng dần mức tự chủ và giảm dần kinh phí NSNN chi hoạt động cho Quỹ theo thời gian. Thay vào đó, kinh phí NSNN chi hoạt động cho Quỹ như đã đề cập, nên được khoán theo tỷ lệ kinh phí Quỹ tài trợ, hỗ trợ nghiên cứu KH&CN hàng năm.

- Đối với Quỹ phát triển KH&CN của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ: mới chỉ có Bộ Xây dựng thành lập quỹ phát triển KH&CN của Bộ

<sup>5</sup> Quỹ khoa học Mỹ (NSF); Hội đồng nghiên cứu KHTN&KT (NSERC), KHXH&NV (SSHRC) Canada; Quỹ Nghiên cứu và Đổi mới Vương quốc Anh (UKRI); Cơ quan tài trợ nghiên cứu Pháp (ANR); Quỹ khoa học Đức (DFG); Quỹ nghiên cứu Thụy Sĩ (SNSF); Hội đồng nghiên cứu Úc (ARC); Cơ quan thúc đẩy khoa học Nhật bản (JSPS); Quỹ Nghiên cứu quốc gia Hàn Quốc (NRF); Quỹ Khoa học tự nhiên Trung Quốc (NSFC); Quỹ Nghiên cứu Thái Lan (TRF).

nhưng hoạt động thực tiễn gặp nhiều khó khăn (biên chế, mô hình hoạt động và nguồn kinh phí hình thành quỹ chưa phù hợp với thực tiễn, chưa phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan).

- Đối với Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia: tại Điều 38 của Luật Chuyển giao công nghệ đã quy định về Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia nhưng không quy định cụ thể mô hình tổ chức hoạt động của Quỹ (Quỹ đang hoạt động theo mô hình hỗn hợp vừa là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ vừa hoạt động theo mô hình Công ty TNHH một thành viên Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ). Hiện nay, chưa có quy định chung để thống nhất việc quản lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách dẫn đến tình trạng khung pháp lý thiếu đồng bộ, không đáp ứng triệt để được yêu cầu và thực tiễn hoạt động của Quỹ. Vì vậy, trong quá trình triển khai hoạt động Quỹ gặp nhiều khó khăn về tổ chức, nguồn vốn.

- Thiếu các chính sách phù hợp của Nhà nước như: hỗ trợ bảo hộ sở hữu trí tuệ; xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn cho sản phẩm mới, chính sách mua sắm công để tạo điều kiện thuận lợi cho sản phẩm có cơ hội thâm nhập vào thị trường, thúc đẩy thương mại hóa tài sản trí tuệ.

- Quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST chưa phù hợp với các quy định của pháp luật về thuế nên các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp gặp khó khăn khi chứng minh các hoạt động để được hưởng ưu đãi. Các chính sách ưu đãi của Nhà nước trong lĩnh vực đầu tư, thuế chưa bổ sung các lĩnh vực mới xuất hiện, dựa trên ứng dụng công nghệ mới, sản phẩm mới.

#### Hậu quả của bất cập:

Các quy định không phù hợp với thực tiễn và không phù hợp với đặc thù của hoạt động KH&CN đã cản trở sức sáng tạo, dẫn đến các tổ chức, doanh nghiệp không đầu tư vào phát triển KH&CN do không có lợi ích rõ ràng.

#### Nguyên nhân của bất cập:

Sau khi Luật KH&CN 2013 được ban hành, các đạo luật liên quan đến đầu tư, tài chính, ngân sách được ban hành có những quy định không phù hợp với quy định của Luật KH&CN 2013 dẫn đến khó khăn, vướng mắc trong triển khai Luật KH&CN và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Việc các quy định về tài chính cho KH&CN đang được áp dụng chung các chính sách về tài chính, đầu tư như đối với dự án đầu tư khiến cho tính linh hoạt trong nghiên cứu khi xuất hiện các vấn đề nghiên cứu bị hạn chế, kéo theo kết quả nghiên cứu không đáp ứng kịp thời yêu cầu thực tiễn; việc phải thực hiện các quy

trình, thủ tục chặt chẽ về triển khai mua sắm, đấu thầu, khoán chi và yêu cầu phải đi đến kết quả cuối cùng khi chưa triển khai nghiên cứu chưa phù hợp với tính chất nghiên cứu đi tìm cái mới, cái chưa biết của hoạt động nghiên cứu khoa học; việc tuân thủ các quy trình, thủ tục chặt chẽ về định giá, chuyển giao kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN được điều chỉnh bởi nhiều Luật khác nhau cũng góp phần hạn chế việc chuyển giao kết quả nghiên cứu.

### 2.1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Huy động nguồn đầu tư ngoài NSNN cho KH,CN&ĐMST. Phân bổ, sử dụng hiệu quả, phù hợp kinh phí dành cho KH,CN&ĐMST; nâng cao hiệu quả hoạt động của các quỹ trong lĩnh vực KH&CN.

2.2. Các giải pháp và đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

#### 2.2.1. Các giải pháp

a) Giải pháp 1: giữ nguyên quy định theo pháp luật hiện hành

b) Giải pháp 2: bổ sung quy định cơ chế chính sách thí điểm khơi thông, thúc đẩy đầu tư, tài chính trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Quy định nguyên tắc kinh phí nhà nước cấp cho nhiệm vụ khoa học và công nghệ thông qua quỹ. Theo đó, kinh phí nhà nước cấp hằng năm cho quỹ khoa học và công nghệ bao gồm kinh phí cho các nhiệm vụ mở mới và chuyển tiếp, được cấp bằng lệnh chi tiền vào tài khoản tiền gửi của quỹ tại Kho bạc nhà nước. Đồng thời, dự toán dành cho các nhiệm vụ mở mới được xác định dựa trên cơ sở dự kiến số lượng và kinh phí trung bình của các nhiệm vụ sẽ được phê duyệt trong năm kế hoạch.

- Về đấu thầu: Quy định các trường hợp khi mua sắm hàng hóa trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không phải áp dụng quy trình, thủ tục theo quy định của Luật Đấu thầu, bao gồm: mua sắm khi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc phân kinh phí được giao khoán của nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước; mua sắm không sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ của cá nhân, tổ chức tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ mà không phải là cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; mua sắm để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp thông qua mua trực tiếp từ hộ gia đình, cá nhân.

- Quy định các đối tượng được ưu đãi khi lựa chọn nhà đấu thầu, nhà đầu tư: Nhà thầu trong nước cung cấp dịch vụ, sản xuất hàng hóa có xuất xứ Việt Nam

phù hợp với hồ sơ mời thầu; Nhà thầu là doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao, tổ chức khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật;

- Bổ sung các khoản chi liên quan đến hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế của doanh nghiệp: các khoản đầu tư, tài trợ của doanh nghiệp cho các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; Kinh phí dành cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp.

- Quy định việc Nhà nước ưu tiên mua sắm sản phẩm, hàng hóa có nguồn gốc từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do doanh nghiệp trong nước tạo ra trong các lĩnh vực công nghệ cao. Bên cạnh đó, quy định việc nhà nước hỗ trợ tài chính các doanh nghiệp thực hiện việc thử nghiệm, kiểm định và đánh giá chất lượng sản phẩm khoa học và công nghệ trước khi đưa vào danh mục mua sắm công.

- Quy định cơ quan mua sắm công được phép chỉ định thầu đối với sản phẩm khoa học và công nghệ do doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo sáng tạo, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao trong nước sản xuất nhưng chưa có quy trình đấu thầu phù hợp.

- Quy định Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia hỗ trợ tài chính cho hoạt động mua sáng chế, công nghệ, sản phẩm công nghệ từ nước ngoài đối với các lĩnh vực công nghệ thuộc danh mục công nghệ cao.

- Quy định sử dụng quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp cho các nội dung sau: đặt hàng, mua sản phẩm của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; thực hiện mua bán, sáp nhập, đầu tư, cùng đầu tư vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hình thành, tham gia góp vốn vào quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo; hình thành, phát triển các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản thu nhập từ chuyên nhượng vốn góp, quyền góp vốn vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo.

- Quy định các quỹ trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được thành lập theo quy định của pháp luật khoa học và công nghệ, đồng thời xác định các quỹ này không phải là Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.

- Quy định các quỹ trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được hình thành từ nhiều nguồn khác nhau như ngân sách nhà nước cấp ban đầu, kinh phí bổ sung hằng năm, đóng góp của doanh nghiệp, khoản hiến tặng của tổ chức, cá nhân và các nguồn hợp pháp khác. Trong đó, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia và quỹ của các bộ, ngành, địa phương được cấp kinh phí từ

ngân sách nhà nước chi thường xuyên cho khoa học và công nghệ, cùng với sự đóng góp từ nhiều nguồn khác.

- Quy định cơ chế tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước có quyền quản lý, sử dụng, quyền sở hữu kết quả của nhiệm vụ để thương mại hóa trừ một số trường hợp đặc biệt.

- Quy định đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng nguồn ngân sách nhà nước, nguồn ngoài ngân sách nhà nước, tài sản hình thành từ các nhiệm vụ này được giao cho cơ quan nhà nước; đơn vị vũ trang nhân dân; đơn vị sự nghiệp công lập; cơ quan đảng cộng sản; tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp quản lý, sử dụng được xác định là tài sản công.

- Quy định tài sản từ kết quả triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ được theo dõi riêng, không hạch toán chung và không phải xác định giá trị, khấu hao và hao mòn tài sản. Đồng thời, quy định tổ chức chủ trì nhiệm vụ có quyền chuyển nhượng, cho thuê, chuyển giao quyền sử dụng đối với tài sản hình thành từ kết quả của việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, được sử dụng kết quả nghiên cứu để góp vốn liên doanh, liên kết, thương mại hóa. Số tiền thu được từ các hoạt động nêu trên phải được hạch toán riêng và quản lý theo pháp luật kế toán.

2.2.2. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Giải pháp 1: giữ nguyên quy định hiện hành

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Giải pháp không làm thay đổi hệ thống pháp luật.

- Tác động về kinh tế - xã hội:

+ Tác động tích cực:

Đối với Nhà nước: Giải pháp không có tác động tích cực đối với Nhà nước do các quy định còn phức tạp, chưa thuận lợi để thu hút đầu tư từ xã hội cho KH,CN&ĐMST.

Đối với tổ chức, cá nhân, người dân, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học: Giải pháp không có tác động tích cực thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST đối với tổ chức, cá nhân, người dân, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học.

+ Tác động tiêu cực:

Đối với Nhà nước: khó khăn trong bố trí kịp thời, hiệu quả NSNN dành cho KH,CN&ĐMST do quy trình, thủ tục trong các văn bản quy phạm pháp luật chưa

phù hợp với nhau và chưa phù hợp với đặc thù của hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST.

Đối với tổ chức, cá nhân, viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp: Giải pháp không giải quyết được khó khăn khi tham gia thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và dự án ĐMST sử dụng NSNN.

- Tác động về giới: Giải pháp không làm ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động của TTHC: Giải pháp không làm phát sinh TTHC.

b) Giải pháp 2:

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Giải pháp giúp hoàn thiện các quy định về đầu tư và tài chính cho KH,CN&ĐMST phù hợp với thực tiễn và đặc thù của hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST do quy định hiện tại ở Luật KH&CN 2013 đã được ban hành trên 10 năm và nhiều quy định không còn phù hợp với yêu cầu thực tiễn và sự phát triển của KH&CN với sự xuất hiện của yếu tố ĐMST.

- Tác động về kinh tế - xã hội:

+ Tác động tích cực:

Đối với Nhà nước: Giải pháp này sẽ giúp nâng cao hiệu quả sử dụng NSNN cho KH,CN&ĐMST. Đồng thời, Giải pháp cũng có các quy định để thu hút kinh phí đầu tư ngoài NSNN cho KH,CN&ĐMST; bổ sung các ưu đãi, tạo động lực cho tổ chức, cá nhân quan tâm, đầu tư và tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, ĐMST.

Đối với tổ chức, người dân, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học: Giải pháp tạo điều kiện cho tổ chức, người dân, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, ĐMST. Tạo điều kiện thuận lợi về quy trình, thủ tục cho doanh nghiệp khi tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST cả trong trường hợp tham gia thực hiện, hợp tác với viện nghiên cứu, trường đại học thực hiện hoặc đầu tư kinh phí vào hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST, ứng dụng, đổi mới công nghệ; sử dụng hiệu quả quỹ phát triển KH&CN quốc gia, bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp.

+ Tác động tiêu cực:

Đối với Nhà nước: Không có

Đối với tổ chức, người dân, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học: Giải pháp không có tác động tiêu cực đối với tổ chức, người dân, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học.

- Tác động về giới: Giải pháp không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động của TTHC: Giải pháp không làm phát sinh TTHC.

### 2.3. Lựa chọn giải pháp

Từ những phân tích nêu trên, Bộ Khoa học và Công nghệ kiến nghị lựa chọn Giải pháp 2 là Giải pháp mang lại nhiều tác động tích cực, đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của thực tiễn quản lý, giúp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về đầu tư, tài chính cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST, thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu và hoạt động ứng dụng, đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp.

## **3. Chính sách 3: Thúc đẩy hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp và phát triển thị trường khoa học và công nghệ**

### 3.1. Xác định vấn đề và mục tiêu giải quyết vấn đề

#### 3.1.1. Vấn đề bất cập

- Về hoạt động KH, CN & ĐMST trong doanh nghiệp

Tính đến hết năm 2023, cả nước đã cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN cho 816 doanh nghiệp, tăng 104 doanh nghiệp. Doanh nghiệp KH&CN được cấp giấy chứng nhận có kết quả KH&CN thuộc hầu hết các lĩnh vực công nghệ được khuyến khích phát triển, trong đó chủ yếu: công nghệ sinh học (39,9%), công nghệ tự động hóa (25,5%), công nghệ thông tin (17%), vật liệu mới (10%). Số lượng doanh nghiệp KH&CN ít, quy mô vốn và nhân lực tương đối nhỏ, chưa có đóng góp nhiều trong việc đưa kết quả nghiên cứu thành sản phẩm, hàng hóa có giá trị gia tăng.

+ Về chính sách thuế, ưu đãi tín dụng, hiện nay, việc thực hiện ưu đãi thuế đối với hoạt động KH&CN đã được quy định trong Luật KH&CN 2013 chưa được triển khai đầy đủ do một số nội dung chưa phù hợp với quy định trong các luật về thuế. Việc ưu đãi thuế trong thu nhập từ việc thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ vẫn còn khó khăn, rất ít tổ chức, cá nhân được hưởng các ưu đãi này do các quy định còn chung chung, chưa có những cơ chế cụ thể, đồng bộ với quy định về tài chính.



+ Các công cụ thúc đẩy mới chỉ tập trung vào NSNN hỗ trợ trực tiếp thông qua nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN để nâng cao năng lực của tổ chức KH&CN công lập, các công cụ hỗ trợ gián tiếp trên diện rộng còn ít, chưa hiệu quả, đặc biệt chưa phù hợp với doanh nghiệp.

+ Chưa có các cơ chế ưu đãi, chính sách phù hợp và đủ mạnh để khuyến khích doanh nghiệp thực hiện ĐMST. Chưa có quy định hỗ trợ mạnh mẽ cho khối doanh nghiệp nhỏ và vừa để tạo động lực tham gia vào hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST (do các doanh nghiệp này thiếu vốn, thiếu thông tin công nghệ, thiếu nhân lực... đồng thời, việc đưa công nghệ vào sản xuất kinh doanh trải qua nhiều giai đoạn, có rủi ro và cần đầu tư, sự tham gia của nhiều chủ thể khác nhau).

#### - Về phát triển thị trường KH&CN

Hiện tại, cả nước có trên 800 tổ chức trung gian các loại đã được hình thành hoạt động bao gồm các sàn giao dịch công nghệ tại các địa phương; 63 trung tâm ứng dụng tiến bộ KH&CN, trung tâm thông tin KH&CN; 04 khu công nghệ cao; 08 công viên phần mềm; 186 tổ chức cung cấp dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp; 01 tổ chức giám định sở hữu công nghiệp; khoảng 240 tổ chức thẩm định giá, 30 cơ sở ươm tạo công nghệ; 23 tổ chức thúc đẩy kinh doanh; 170 không gian làm việc chung, 50 trung tâm chuyển giao công nghệ thuộc các viện nghiên cứu, trường đại học và các loại hình tổ chức khác (hiệp hội, doanh nghiệp có đăng ký ngành nghề liên quan đến tư vấn, môi giới chuyển giao công nghệ), 01 sàn giao dịch công nghệ vùng Duyên hải Bắc Bộ kết nối 05 sàn giao dịch trong khu vực gồm: Quảng Ninh, Hải phòng Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, 01 sàn giao dịch vùng Đồng bằng sông Cửu Long dự kiến kết nối các sàn giao dịch công nghệ trong khu vực như Cần Thơ, Tiền Giang, An Giang. Tuy nhiên, vấn đề liên quan tới bên cầu (năng lực hấp thụ công nghệ của doanh nghiệp) và bên cung công nghệ (năng lực cung cấp công nghệ của viện, trường) đều còn nhiều hạn chế.

+ Chưa có cơ chế, chính sách đầy đủ để thúc đẩy các nhà khoa học, nhà sáng chế chuyển giao, thương mại hóa kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ.

#### Hậu quả của bất cập:

- Đối với Nhà nước: không thu hút được doanh nghiệp tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST, đầu tư ứng dụng, đổi mới công nghệ. Ảnh hưởng tới phát triển kinh tế do thiếu cơ chế thúc đẩy thị trường KH&CN và thương mại hóa các kết quả KH&CN. Nền kinh tế thiếu tính cạnh tranh do các chủ thể tham gia không được tiếp cận nguồn tri thức, công nghệ được tạo ra.

- Đối với người dân: không thu hút được sự quan tâm, đầu tư của người dân cho KNST.

- Cán bộ nghiên cứu ở viện nghiên cứu, trường đại học gặp khó khăn trong thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

- Đối với doanh nghiệp: giảm khả năng cạnh tranh do hạn chế được tiếp cận với các thành tựu nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ mới phù hợp với nhu cầu doanh nghiệp.

- Đối với tổ chức trung gian: khó tiếp cận khách hàng, thiếu cơ hội để phát triển, nâng cao năng lực.

### 3.1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Thể chế hóa chủ trương của Đảng về việc nâng cao thúc đẩy hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp

- Hoàn thiện hành lang pháp lý về thị trường KH&CN và các tổ chức trung gian của thị trường KH&CN.

### 3.2. Các giải pháp và đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

#### 3.2.1. Các giải pháp

a) Giải pháp 1: giữ nguyên quy định hiện hành.

b) Giải pháp 2: hoàn thiện các quy định của pháp luật theo hướng:

- Quy định dự án đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức đổi mới sáng tạo, tổ chức nghiên cứu và phát triển, cũng như các tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo được hưởng các ưu đãi đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư năm 2020. Đồng thời, quy định thu nhập từ tiền lương, tiền công và các khoản thu nhập chịu thuế khác do các tổ chức này chi trả, cũng như thu nhập từ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, được hưởng chính sách ưu đãi thuế. Ngoài ra, quy định mở rộng ưu đãi (trong Luật Đầu tư) cho các tổ chức có sản phẩm khoa học và công nghệ, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho nhà thầu trong nước sản xuất hàng hóa có xuất xứ Việt Nam khi tham gia đấu thầu cung cấp dịch vụ.

- Quy định về khái niệm, điều kiện thành lập, địa vị pháp lý và cơ chế hỗ trợ của Quỹ đầu tư mạo hiểm cho khởi nghiệp sáng tạo, ươm tạo công nghệ.

- Quy định khái niệm dự án đầu tư mới, bổ sung trung tâm đổi mới sáng tạo là đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư

- Quy định dự án, trung tâm đổi mới sáng tạo được miễn thuế đối với hàng hoá nhập khẩu để tạo tài sản cố định, hàng hoá nhập khẩu sử dụng trực tiếp cho

đổi mới sáng tạo, hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo.

- Quy định doanh nghiệp có các khoản chi thực tế liên quan đến sản xuất, kinh doanh, giáo dục nghề nghiệp, quốc phòng, an ninh, bao gồm cả đầu tư, tài trợ cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, được hưởng các ưu đãi thuế. Thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, trung tâm đổi mới sáng tạo được miễn thuế tối đa 4 năm và giảm 50% thuế tối đa 9 năm tiếp theo. Doanh nghiệp khoa học và công nghệ hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong 15 năm, miễn thuế 4 năm và giảm 50% thuế trong 9 năm sau khi được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ, mà không bị trừ đi các ưu đãi thuế đã nhận trước đó. Nếu doanh nghiệp có kết quả khoa học và công nghệ mới được bổ sung vào Giấy chứng nhận, các sản phẩm từ kết quả này tiếp tục hưởng mức ưu đãi thuế theo quy định ngay từ thời điểm bổ sung.

- Bổ sung loại hình thu nhập được miễn thuế bao gồm thu nhập từ việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

- Bổ sung trường hợp sử dụng đất vào mục đích ứng dụng, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ cho doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

- Quy định việc Nhà nước ưu tiên mua sắm sản phẩm, hàng hóa có nguồn gốc từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do doanh nghiệp trong nước tạo ra trong các lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ chiến lược. Bên cạnh đó, quy định việc nhà nước hỗ trợ tài chính các doanh nghiệp thực hiện việc thử nghiệm, kiểm định và đánh giá chất lượng sản phẩm khoa học và công nghệ trước khi đưa vào danh mục mua sắm công.

3.2.2. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Giải pháp 1: giữ nguyên hiện trạng.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Giải pháp không ảnh hưởng đến hệ thống pháp luật do giữ nguyên các quy định hiện tại.

- Tác động về kinh tế - xã hội:

+ Tác động tích cực:

Đối với Nhà nước: Giải pháp không có tác động tích cực đến Nhà nước.

Đối với tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học: Giải pháp không có tác động tích cực đến tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học.

+ Tác động tiêu cực:

Đối với Nhà nước: không huy động được nguồn kinh phí và nguồn nhân lực từ khu vực doanh nghiệp tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST. Thiếu các công cụ thúc đẩy thương mại hóa và phát triển thị trường KH&CN.

Đối với viện nghiên cứu, trường đại học: các kết quả nghiên cứu và phát triển công nghệ không được ứng dụng, thương mại hóa, không tạo ra nguồn lợi nhuận phục vụ tái đầu tư cho hoạt động nghiên cứu.

Đối với tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp: hạn chế cơ hội tham gia hoạt động nghiên cứu, phát triển, đổi mới, ứng dụng công nghệ phục vụ sản xuất. Không có công cụ hiệu quả thúc đẩy kết nối với viện nghiên cứu, trường đại học để hợp tác hoàn thiện sản phẩm nghiên cứu để thương mại hóa; thiếu các thể chế trung gian hỗ trợ kết nối cung cầu công nghệ để thúc đẩy thương mại hóa.

- Tác động về giới: Giải pháp không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động của TTHC: Giải pháp không làm phát sinh TTHC.

b) Giải pháp 2:

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Giải pháp giúp hoàn thiện hệ thống pháp luật hướng đến thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST trong doanh nghiệp, đưa doanh nghiệp trở thành trung tâm của hệ thống ĐMST quốc gia.

- Tác động về kinh tế - xã hội:

+ Tác động tích cực:

Đối với Nhà nước: thu hút được nguồn lực đầu tư ngoài NSNN cho KH,CN&ĐMST.

Đối với doanh nghiệp: thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST trong doanh nghiệp, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của doanh nghiệp ở thị trường trong nước và có khả năng tham gia thị trường quốc tế.

+ Tác động tiêu cực:

Đối với Nhà nước: Không có.

Đối với tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học: Không có.

- Tác động về giới: Giải pháp không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động của TTHC: Không có.

### 3.3. Lựa chọn giải pháp

Bộ Khoa học và Công nghệ đề xuất lựa chọn Giải pháp 2. Đây là Giải pháp đem lại nhiều tác động tích cực, đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của thực tiễn, góp phần thúc đẩy hoạt động ứng dụng, đổi mới công nghệ và ĐMST; thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đưa nghiên cứu gắn với thị trường, tạo ra hàng hóa phục vụ xã hội

Trên đây là nội dung Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong Đề nghị xây dựng Nghị quyết thí điểm một số chính sách để tháo gỡ vướng mắc trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ kính báo cáo Chính phủ./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Bùi Thanh Sơn (để báo cáo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, PC.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Bùi Thế Duy**